|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH  **TRƯỜNG TH, THCS&THPT VĂN LANG**  Số: 39b/KHCM/VL-2021 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hạ Long, ngày 14 tháng 04 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Chuẩn bị các điều kiện dạy và học theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6**

**Năm học 2021 – 2022**

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ tình hình về biên chế CBQL, giáo viên và số lớp học cấp THCS trường TH, THCS &THPT Văn Lang năm học 2020 - 2021;

Trường TH, THCS &THPT Văn Lang xây dựng kế hoạch Thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6 năm học 2021 – 2022. Cụ thể như sau:

# I. Mục đích, yêu cầu

**1. Mục đích**

# - Chủ động tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6 vào năm học 2021-2022.

# - Có kế hoạch để giáo viên có lộ trình tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện có hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục của chương trình GDPT 2018.

# 2. Yêu cầu

# - Đảm bảo đồng đều định mức lao động khi đồng thời thực hiện dạy học chương trình GDPT hiện hành và chương trình GDPT 2018.

# - Ưu tiên đội ngũ giáo viên dạy lớp 6 năm học 2021-2022 có chuyên môn, nghiệp vụ tốt nhất, đồng thời ưu tiên đội ngũ giảng dạy chương trình hiện hành đối với lớp 7, 8, 9 đảm bảo chất lượng giáo dục.

# II. Nội dung

# 1. Cơ sở vật chất

# - Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

# - Số phòng học toàn trường: 53 (đủ bàn ghế, 01 ti vi/phòng, điều hòa, quạt, điện, điện chiếu sáng, rèm, tủ gỗ).

# - Phòng học bộ môn: 01 Lí Công nghệ; 01 Hóa; 01Sinh, 01 Âm nhạc, 1 Mĩ thuật, 1 Múa, 3 phòng máy tính; 02 phòng học thông minh. Các phòng học bộ môn đều được trang bị đầy đủ danh mục trang thiết bị theo quy định.

**2. Xác định biên chế lớp học cấp THCS năm 2021 – 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **Số lớp** | 3 | 4 | 3 | 2 |
| **Số HS** | 122 | 147 | 116 | 81 |

# 

# 

# 3. Đội ngũ giáo viên

# *3.1. Dự kiến phân công giáo viên dạy khối lớp 6 năm học 2021 – 2022*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Môn/HĐGD** | **TT** | **Họ và tên** | **Môn/HĐGD** |
| 1 | Trần Thị Vân | Toán | 14 | Nguyễn Cao Thắng | KHTN |
| 2 | Nguyễn Hồng Nhung | Toán | 15 | Nguyễn Thanh Thuỷ | KHTN |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Hoài | Văn | 16 | Nguyễn Đức Thắng | KHTN |
| 4 | Nguyễn Phượng Uyên | Văn | 17 | Vũ Xuân Việt | KHTN |
| 5 | Tô Thị Thu Hương | Anh | 18 | Vũ Thị Thu Huyền | KHTN |
| 6 | Nguyễn Hồng Vân | Anh | 19 | Hà Thúy Dinh | KHTN |
| 7 | Đoàn Thị Hoa | GDCD | 20 | Vương Quốc Toản | Tin học |
| 8 | Lam Thị Thanh Hường | LS&ĐL | 21 | Bùi Thị Phương Thanh | TN, HN |
| 9 | Nguyễn Thị Lâm | LS&ĐL | 22 | Ngô Thu Hương | GD ĐP |
| 10 | Nguyễn Đình Quyết | LS&ĐL | 23 | Lam Thị Thanh Hường | GD ĐP |
| 11 | Nguyễn Lệ Xuân | LS&ĐL | 24 | Vũ Trung Hiếu | Âm nhạc |
| 12 | Mai Văn Quyết | GDTC | 25 | Bùi Thị Phương Thanh | Mĩ thuật |
| 13 | Lê Mạnh Hùng | GDTC | 26 | Nguyễn Thanh Thuỷ | Công nghệ |

(Các GV được phân công giảng dạy đúng với chuyên ngành đào tạo và đạt chuẩn trở lên).

**4. Thời lượng giáo dục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | **Số tiết/năm học** |
| **1. Môn học bắt buộc (10)** |  |
| Ngữ văn | 140 |
| Toán | 140 |
| Ngoại ngữ 1 | 105 |
| Giáo dục công dân | 35 |
| Lịch sử và Địa lí | 105 |
| Khoa học tự nhiên | 140 |
| Công nghệ | 35 |
| Tin học | 35 |
| Giáo dục thể chất | 70 |
| Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) | 70 |
| **2. Hoạt động giáo dục bắt buộc (1)** |  |
| Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | 105 |
| **3. Nội dung GD bắt buộc của địa phương** | 35 |
| **4. Môn học tự chọn** |  |
| Tiếng dân tộc thiểu số | 105 |
| Ngoại ngữ 2 | 105 |
| **Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)** | 1015 |
| **Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)** | 29 |

- Thời lượng: Học 2 buổi/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 + Sáng thứ 7, tuần 4 hàng tháng. Buổi sáng học chính khóa, buổi chiều tổ chức dạy bám sát, nâng cao.

- Không thực hiện dạy học môn tự chọn.

**5. Khung PPCT hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp**

| **Tên chủ đề (tháng)** | **Tuần** | **Hoạt động Sinh hoạt dưới cờ** | **Hoạt động giáo dục theo chủ đề** | | **Hoạt động**  **Sinh hoạt lớp** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên HĐGD theo CĐ** | **Hoạt động cụ thể** |  |
| Chủ đề 1. Trường học của em  (tháng 9) | 1 | Văn nghệ: Chào lớp 6 | Trường học mới của em | 1. Cảm xúc khi trở thành học sinh lớp 6. 2. Giới thiệu về trường học mới của em | 3.Cảm nhận về tuần học đầu tiên |
| 2 | Tìm hiểu về truyền thống nhà trường | 4.Trò chơi *Đoán ý đồng đội*  5. Khám phá các hoạt động của nhà trường.  6. Kế hoạch hoạt động của lớp em | 7.Trải nghiệm khi tham gia các hoạt động của trường |
| 3 | Văn nghệ:  Hát về mái trường | Thích nghi với môi trường mới | 1. Khắc phục khó khăn ở trường học mới.  2. Chăm sóc và điều chỉnh bản thân | 3. Kinh nghiệm thích nghi với môi trường mới |
| 4 | Cuộc thi:  Nếu em là hiệu trưởng | 4. Giới thiệu về người bạn mới | 5. Làm thiếp tặng bạn |
| Chủ đề 2.  Em đang trưởng thành  ( tháng 10) | 5 | Phỏng vấn học sinh lớp 6:  Em là học sinh lớp 6 | Trở thành người lớn | 1. Những thay đổi của bản thân.  2. Phát huy điểm tốt của bản thân  3. Chân dung của em trong tương lai | 4. Xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân |
| 6 | Biểu diễn các tiểu phẩm: Những người bạn tốt | 5. Những người bạn tốt.  6. Xử lí tình huống mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè | 7.Những điểm đáng yêu ở bạn của em |
| 7 | Kể chuyện về gia đình | Sinh hoạt trong gia đình | 1. Gia đình em  2. Quan tâm chăm sóc người thân | 3. Kỉ niệm về gia đình |
| 8 | Thuyết trình: ý nghĩa của sống ngăn nắp gọn gàng | 4. Gia đình – kết nối để yêu thương  5. Sắp xếp góc học tập | 6. Thiết kế góc học tập hợp lí |
| Chủ đề 3. Thầy cô – người bạn đồng hành – (tháng 11) | 9 | Phát động chào mừng ngày 20-11, làm sản phẩm, tiết mục nói về thầy, cô | Thầy cô với chúng em | 1. Tìm hiểu về thầy cô  2. Điều em muốn chia sẻ cùng thầy cô | 3. Thầy cô trong kí ức |
| 10 | Phỏng vấn giáo viên:  Ấn tượng thầy trò | 4. Đóng vai chuyên gia tâm lí hỗ trợ học sinh. | 5. Thu hoạch của cá nhân |
| 11 | Thầy trò qua các thế hệ:  Mời các cựu giáo chức và học sinh toạ đàm | Tri ân thầy cô | 1. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động tri ân thầy cô  2. Bộ sưu tập về tình nghĩa thầy trò | 3. Hùng biện về nguồn gốc và ý nghĩa của ngày Nhà giáo VN 20-11.  4. Cảm nghĩ về nghề giáo viên |
| 12 | Tình nghĩa thầy trò:  Trình bày các tiết mục, sản phẩm( báo tường..) nhân ngày 20.11 | 5. Hội diễn nghệ thuật tri ân thầy cô | 6. Đánh giá hoạt động tri ân thầy cô |
| Chủ đề 4. Tiếp nối truyền thống quê hương (tháng 12) | 13 | 4. Cùng nhau vượt khó | Xây dựng dự án nhân ái | 1. Những câu chuyện về lòng nhân ái  2. Vẽ tranh theo chủ đề N*hững tấm lòng nhân ái* | 3. Gìn giữ truyền thống tương thân, tương ái |
| 14 | 6. Giao lưu với nhóm tình nguyện viên | 5. Lập kế hoạch thiện nguyện | 7. Chia sẻ kết quả thực hiện hoạt động thiện nguyện |
| 15 | Giới thiệu truyền thống lịch sử của địa phương | Giữ gìn cho tương lai | 1. Tìm hiểu về truyền thống địa phương  2. Giới thiệu về một truyền thống địa phương | 4. Người lưu giữ truyền thống địa phương |
| 16 | Giao lưu với nghệ nhân | 3. Thử tài hiểu biết truyền thống địa phương  5. Giữ gìn, phát huy truyền thống | 6.Truyền thống và thế hệ trẻ  7. Thu hoạch sau chủ đề *Tiếp nối truyền thống quê hương* |
| Chủ đề 5. Nét đẹp mùa xuân  ( tháng 1) | 17 | 2. Giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên của quê hương | Xuân quê hương | 1. Những trò chơi mùa xuân | 3. Chia sẻ các địa điểm du xuân |
| 18 | 4. Giữ gìn cảnh đẹp quê hương | 5. Tìm hiểu phong tục ngày tết ở các vùng, miền | 6. Hát về mùa xuân |
| 19 | 1. Tìm hiểu văn hoá ứng xử nơi công cộng | Việc tốt, lời hay | 2. Đóng vai ứng xử có văn hoá | 3. Trò chơi về ứng xử nơi công cộng |
| 20 | Tiểu phẩm về hành vi có văn hoá trong nhà trường | 4. Xây dựng *Quy tắc ứng xử* của lớp.  5. Hành vi ứng xử văn hoá nơi công cộng | 6. Đánh giá việc ứng xử có văn hoá |
| Chủ đề 6. Tập làm chủ gia đình  (tháng 2) | 21 | Làm quen với chi tiêu trong gia đình:  Phỏng vấn người nội trợ | Công việc trong gia đình | 1. Xác định các khoản chi ưu tiên khi số tiền hạn chế.  2. Lập kế hoạch chi tiêu | 3. Người tiêu dùng thông thái |
| 22 | Cuộc thi: Nhà tài chính tiềm năng | 4. Tham gia công việc trong gai đình.  5. Ứng xử với những vấn đề nảy sinh trong gia đình | 6. Xử lí một số việc nhà hiệu quả |
| 23 | Thi hùng biện: giá trị của gia đình | Quan tâm đến người thân | 1. Sự cần thiết của việc quan tâm đến người thân.  2. Quan tâm, chăm sóc người thân | 3. Quan tâm lẫn nhau trong gia đình. |
| 24 | 7. Văn nghệ về chủ đề *Gia đình* | 4. Chia sẻ một kỉ niệm về sự quan tâm của người thân đối với mình  5. Làm các sản phẩm *Trao gửi yêu thương* | 6. Trải nghiệm yêu thương |
| Chủ đề 7. Cuộc sống quanh ta  (tháng 3) | 25 | Phát động tháng hành động Vì Trái Đất xanh  4. Thi hùng biện về chủ đề *Biến đổi khí hậu* | Thách thức của thiên nhiên | 1. Tác động của biến đổi khí hậu  2. Thiên tai và dấu hiệu của thiên tai | 3. Trình diễn trang phục tái chế |
| 26 | 5. Tuyên truyền về giảm thiểu biến đổi khí hậu | 6. Bảo vệ động vật quý hiếm | 7. Sổ tay bảo vệ môi trường |
| 27 | Kết nối với cộng đồng: toạ đàm với các tình nguyện viên | Cộng đồng quanh em | 1. Tìm hiểu cộng đồng quanh em  2. Tham gia các hoạt động cộng đồng | 3. Em và cộng đồng |
| 28 | Phát động cuộc thi thiết kế *Dự án vì cộng đồng* | 4. Xây dựng *Dự án vì cộng đồng* | 5. Vận động ủng hộ *Dự án vì cộng đồng* |
| Chủ đề 8. Con đường tương lai (tháng 4) | 29 | 1. Giá trị của các nghề trong xã hội | Giữ gìn nghề xưa | 2. Tìm hiểu nghề truyền thống  3. Giới thiệu một số nghề truyền thống | 6. Tìm hiểu nghề truyền thống qua thơ, ca, hò, vè |
| 30 | 4. Giao lưu với người làm nghề truyền thống | 7. Khám phá sự phù hợp của cá nhân với nghề truyền thống | 8. Tìm kiếm nghệ nhân tương lai |
| 31 | 5. Triển lãm tranh, ảnh về nghề truyền thống | 9. Chúng em và nghề truyền thống | 10. Quảng bá cho nghề truyền thống |
| 32 | Toạ đàm: Ước mơ nghề nghiệp của em | An toàn lao động ở làng nghề | 1. Tìm hiểu công cụ, nguyên liệu của một số nghề truyền thống  2. Sử dụng công cụ lao động an toàn trong nghề truyền thống | 3. Giải ô chữ về an toàn lao động làng nghề |
| Chủ đề 9. Chào mùa hè  (tháng 5) | 33 | Giới thiệu hoạt động của các câu lạc bộ mùa hè | Đón hè vui và an toàn | 1. Kỉ niệm mùa hè  2. Lập nhóm cùng sở thích, khả năng | 3. Tự tin thể hiện khả năng |
| 34 | Mùa hè đội viên | 4. Đón hè an toàn  5. Chăm sóc, bảo vệ bản thân trong mùa hè | 6. Hát về mùa hè |
| 35 | Lời nhắn nhủ của thầy cô | Kế hoạch hè | 1. Mong muốn trong kì nghỉ hè  2. Kế hoạch hè của em | 3. Lời chúc mùa hè |

**6. Các hoạt hoạt động ngoại khóa**

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như khu di tích Yên Tử, di tích Bạch Đằng Giang; …

- Trải nghiệm lao động vệ sinh môi trường.

**7. Các câu lạc bộ**

***7.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh***

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt câu lạc bộ 01 lần.

- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn tiếng Anh tham mưu.

***7.2. Câu lạc bộ thể thao***

- Tổ chức câu lạc bộ bóng đá – Bóng rổ:.

- Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào sáng thứ 7 hàng tuần.

**8. Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo**

***8.1. Nghiên cứu, tập huấn***

# - Từ tháng 01 – 03/2021): Tìm hiểu các bộ SGK lớp 6 theo chương trình GDPT 2018 đã được Bộ GD phê duyệt. Cả 02 bộ sách mẫu (Kết nối tri thức, Cánh diều) đã được các NXB gửi về trường để các tổ chuyên môn nghiên cứu, tìm hiểu. Các tổ họp, bỏ phiếu lựa chọn bộ SGK lớp 6 để dạy trong năm học 2021-2022.

# - Vòng 2 (từ tháng 4 - 5/2021): Nghiên cứu bộ sách GK đã được Tỉnh phê duyệt. Xây dựng kế hoạch dạy học thử nghiệm 2-3 bài. Tìm và nghiên cứu các tài liệu tham khảo.

# - Vòng 3 (tháng 6,7,8/2022): Tham gia các lớp tập huấn công tác dạy học lớp 6 CT GDPT 2018 do Sở GD, Phòng GD tổ chức. Tổ chức thành tập huấn lại tại trường.

***8.2. Lựa chọn SGK***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT STT** | **Môn** | **Bộ SGK** | **TT** | **Môn** | **Bộ SGK** |
| 1 | Toán | Cánh diều | 7 | Công nghệ | Kết nối tri thức và  cuộc sống |
| 2 | Văn | Cánh diều | 8 | GDTC | Cánh diều |
| 3 | Anh | Global Success | 9 | Tin học | Cánh diều |
| 4 | KHTN | Kết nối tri thức và cuộc sống | 10 | Âm nhạc | Cánh diều |
| 5 | Lịch sử và Địa Lí | Kết nối tri thức và cuộc sống | 11 | Mĩ thuật | Cánh diều |
| 6 | GDCD | Cánh diều | 12 | TN, HN | Cánh diều |

# 9. Phương án bố trí lớp học khối 6 năm học 2021 – 2022

# - 02 lớp 6AB: Tiếng Anh tăng cường.

# - 01 lớp 1C: Chuẩn quốc gia.

          Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình lớp 6 năm học 2021-2022 của trường TH, THCS&THPT Văn Lang.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- BGH;*  *- Các tổ CM;*  *- Đăng website;*  *- Lưu VP.* | **HIỆU TRƯỞNG**  **Hoàng Thị Kim Khánh** |